

Bản án số: 448/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 391/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: A Khu phố A, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Lê Thanh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: A Khu phố A, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 21/4/2023, bản tự khai ngày 12/6/2023, 04/8/2023, 15/6/2024 cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ trình bày:

Ông Hoàng Văn Đ và bà Trần Lê Thanh T tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/6/1998. Cuộc sống gia đình hạnh phúc khoảng mười năm đầu, sau đó hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về

kinh tế, về quan điểm sống, bà **T** thường xuyên gây ra nợ nần khiến gia đình điêu đứng, ông đã nhiều lần trả nợ cho bà **T** và khuyên can bà thay đổi để cố gắng vun đắp cuộc sống gia đình vì các con nhưng kết quả không như mong muốn. Hiện nay cả hai đã sống ly thân, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Nay ông **Đ** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu ly hôn với bà **T**.

- Về con chung: có 03 con chung tên:

**Hoàng Ngọc Bảo N** – Giới tính nữ, sinh ngày: 17/02/2000 (đã trưởng thành);

**Hoàng Quốc Đ1** – Giới tính nam, sinh ngày: 16/3/2003 (đã trưởng thành);

**Hoàng Ngọc Bảo U** – Giới tính nữ, sinh ngày: 01/02/2016;

Ông **Đ** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là **Hoàng Ngọc Bảo U**, không yêu cầu bà **T** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông **Đ** không có yêu cầu nào khác.

*Tại bản tự khai ngày 07/6/2023, 04/8/2023 cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà **Trần Lê Thanh T** trình bày:*

Bà **T** và ông **Đ** có đăng ký kết hôn ngày 29/6/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cho đến năm 2022 có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, về nợ nần của bà nên ông **Đ** đã yêu cầu ly hôn. Hiện nay bà và ông **Đ** đã sống ly thân.

- Về con chung: Có 03 con chung tên:

**Hoàng Ngọc Bảo N** – Giới tính nữ, sinh ngày: 17/02/2000 (đã trưởng thành);

**Hoàng Quốc Đ1** – Giới tính nam, sinh ngày: 16/3/2003 (đã trưởng thành);

**Hoàng Ngọc Bảo U** – Giới tính nữ, sinh ngày: 01/02/2016;

Bà đồng ý giao con **Hoàng Ngọc Bảo U** cho ông **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/8/2023, về quan hệ hôn nhân bà **T** đồng ý ly hôn với ông **Đ**, về con chung bà **T** đồng ý giao con **Hoàng Ngọc Bảo U** cho ông **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 08/8/2023 bà **T** có đơn xin thay đổi ý kiến, về quan hệ hôn nhân bà không đồng ý ly hôn với ông **Đ**.

Vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.



*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị thẩm phán khắc phục vi phạm trên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hoàng Văn Đ.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về ly hôn mà bị đơn cư trú tại **Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hoàng Văn Đ.**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 64/98, quyển số 01 do **Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 29/6/1998 là cơ sở xác định hôn nhân giữa ông **Hoàng Văn Đ** và bà **Trần Lê Thanh T** là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Qua lời khai của đương sự thể hiện trong hồ sơ vụ án cho thấy về quan hệ hôn nhân giữa ông **Đ** và bà **T** có xảy ra mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nguyên nhân là về quan điểm sống không còn phù hợp, bà **T** thường xuyên gây ra nợ nần, ông **Đ** đã nhiều lần trả nợ cho bà **T** và khuyên can bà thay đổi để cố gắng vun đắp cuộc sống gia đình vì các con nhưng bà **T** vẫn không thay đổi, hiện nay cả hai đã sống ly thân. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hòa giải những mâu thuẫn nhưng vẫn không được. Bà **T** trình bày bà không đồng ý ly hôn với ông **Đ** nhưng bà không nêu ra được giải pháp nào để hàn gắn gia đình.

Do vậy, lời trình bày của ông **Đ**, bà **T** là có cơ sở xác định mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân là có thật, thời gian hòa giải của hai bên đủ lâu mà bà **T** cũng không có hành động cụ thể nào để hàn gắn gia đình, như vậy tình trạng hôn

nhân của ông Đ và bà T đã không còn tình cảm để duy trì đời sống chung, không thỏa theo nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình thì: Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, do quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng. Đồng thời, theo quy định tại Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[3.2] Về con chung: Có 03 con chung tên:

Hoàng Ngọc Bảo N – Giới tính nữ, sinh ngày: 17/02/2000 (đã trưởng thành);

Hoàng Quốc Đ1 – Giới tính nam, sinh ngày: 16/3/2003 (đã trưởng thành);

Hoàng Ngọc Bảo U – Giới tính nữ, sinh ngày: 01/02/2016;

Hai con chung Hoàng Ngọc Bảo N và Hoàng Quốc Đ1 đã trưởng thành. Ông Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Hoàng Ngọc Bảo U, ông Đ không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 04/8/2023 trẻ Bảo Uyên có nguyện vọng được ở với ba là ông Hoàng Văn Đ. Yêu cầu của ông Đ là phù hợp với nguyện vọng của trẻ Bảo Uyên. Bà T cũng đồng ý giao con chung Bảo Uyên cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Việc ông Đ chưa yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà T là không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, cũng như không có cơ sở xác định làm ảnh hưởng đến lợi ích của con chung.

[3.3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 cho rằng đời sống hôn nhân giữa ông Đ và bà T mâu thuẫn trầm trọng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Văn Đ.

Đồng thời, Hội đồng xét xử còn căn cứ vào Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận giao con chung Hoàng Ngọc Bảo U cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Trần Lê Thanh T.

[3.4] Ngoài ra, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản do ông Đ và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.



[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông **Hoàng Văn Đ** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và đã nộp xong theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0005868 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 269, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 2, 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hoàng Văn Đ**.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Hoàng Văn Đ** được ly hôn với bà **Trần Lê Thanh T**.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 64/98, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/6/1998 không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Có 03 (ba) con chung tên:

**Hoàng Ngọc Bảo N** – Giới tính nữ, sinh ngày: 17/02/2000 (đã trưởng thành);

**Hoàng Quốc Đ1** – Giới tính nam, sinh ngày: 16/3/2003 (đã trưởng thành);

**Hoàng Ngọc Bảo U** – Giới tính nữ, sinh ngày: 01/02/2016;

Hai con chung **Hoàng Ngọc Bảo N** và **Hoàng Quốc Đ1** đã trưởng thành.

Giao con chung **Hoàng Ngọc Bảo U** cho ông **Hoàng Văn Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà **Trần Lê Thanh T**.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông **Hoàng Văn Đ** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và đã nộp xong theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0005868 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND Phường 01, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Ngân**